

## KHAI THÁC GIÁ TRỊ CỦA THỰC HÀNH THEN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỪ KINH NGHIỆM MỘT SỐ LOẠI HÌNH DIỄN XUỐNG DÂN GIAN

Nguyễn Thị Suối Linh\*, Lê Thị Anh, Nguyễn Ngọc Lan

*Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Không chỉ là một nghi lễ tâm linh, từ góc nhìn nghệ thuật, thực hành Then của các dân tộc thiểu số Thái, Tày, Nùng còn là một loại hình văn nghệ dân gian độc đáo. Bằng phương pháp phân tích tư liệu, so sánh đối chiếu, phỏng vấn sâu, bài viết đã chỉ ra thế mạnh và hạn chế của diễn xướng dân gian Việt Nam với tư cách một nguồn tài nguyên du lịch. Từ kinh nghiệm phát triển du lịch dựa vào nghệ thuật cổ truyền (qua trường hợp Xăm, Châu văn, Ca Huế...), nhóm tác giả đề xuất ý tưởng tạo ra một số sản phẩm du lịch độc đáo gắn với diễn xướng Then. Kết quả của nghiên cứu có tính ứng dụng, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch khu vực miền núi phía Bắc.

**Từ khóa:** *Thực hành Then; tín ngưỡng; dân ca; tài nguyên du lịch; sản phẩm đặc trưng.*

*Ngày nhận bài: 16/7/2020; Ngày hoàn thiện: 04/9/2020; Ngày đăng: 09/9/2020*

## EXPLOITING THE VALUE OF THEN PRACTICE IN TOURISM DEVELOPMENT BASED ON EXPERIENCE OF SOME TYPES OF FOLK PERFORMANCE

Nguyen Thi Suoi Linh\*, Le Thi Anh, Nguyen Ngoc Lan

*TNU - University of Sciences*

### ABSTRACT

The Then practice of Vietnam's Tay, Nung and Thai ethnic groups not only is a ritual but also a folk art. By the method of document analysis, comparison, in-depth interview, the article has pointed out the strengths and limitations of Vietnamese folk performance as a tourism resource. From the experience of developing tourism based on traditional art (through the case of Xam, Chau van, Hue traditional folk song...), the authors has proposed some solutions and ideas for unique tourism products associated with Then performance. The research results contributed to diversifying tourism products in the Northern mountainous region.

**Keywords:** *The Then practice; beliefs; folk songs; tourism resources; featured products.*

*Received: 16/7/2020; Revised: 04/9/2020; Published: 09/9/2020*

\* Corresponding author. Email: [linhnts@tnus.edu.vn](mailto:linhnts@tnus.edu.vn)

## 1. Đặt vấn đề

Văn nghệ dân gian nói chung, diễn xướng dân gian nói riêng là bộ phận quan trọng cấu thành nên khuôn diện văn hóa của một cộng đồng. Ra đời trong môi trường dân gian, xuất phát từ sự thăng hoa của cảm xúc, ca xướng không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn phản ánh những đặc trưng văn hóa, xã hội. Trong quá trình khai thác các yếu tố văn hóa dân gian phục vụ phát triển du lịch ở một địa phương, diễn xướng dân gian luôn được coi là nguồn tài nguyên giàu giá trị. Tuy nhiên, không phải lúc nào việc khai thác này cũng đem lại hiệu quả, nhất là với những loại hình dân ca mang tính đặc thù, vốn chỉ giới hạn trong những không gian nhất định, gắn với những cộng đồng nhất định và phổ biến ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

Sau khi được vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (13/12/2019), thực hành Then có điều kiện để đến gần hơn với các cộng đồng ngoài phạm vi văn hóa Thái, Tày, Nùng, thông qua nhiều hình thức khác nhau, trong đó có hoạt động du lịch. Trên thực tế, không phải chỉ đến thời điểm này, Then mới được đưa vào khai thác phục vụ du khách, song vẫn chưa nhiều sản phẩm độc đáo, ấn tượng trên nền di sản Then. Cũng như nhiều loại hình diễn xướng dân gian khác, Then có thể mạnh, đồng thời mang hạn chế nhất định, đặt dưới góc nhìn của hoạt động khai thác du lịch. Để có định hướng, ý tưởng phát triển các sản phẩm đặc sắc, việc tham khảo kinh nghiệm của các mô hình khác là rất cần thiết.

## 2. Nội dung

### 2.1. Khái quát về diễn xướng dân gian

Diễn xướng dân gian nảy sinh trong đời sống lao động, tình cảm, tín ngưỡng tôn giáo và các sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nó là tổng thể các phương thức nghệ thuật, cùng thể hiện đồng nhất giữa ca hát và hành động theo chiều thẩm mỹ. Xét về cấu trúc, diễn xướng dân gian bao gồm các bộ phận: 1- Phần hát, nói (*xướng*): là bộ phận biểu hiện lời ca tiếng hát

thành những làn điệu, cách nói, xét về mặt biểu hiện của âm thanh và giai điệu; 2- Phần động tác, trình diễn (*diễn*): là cách thể hiện bằng những điệu múa, cử chỉ, phong cách, cấu trúc không gian biểu diễn, giúp cho những giá trị trong lời được biểu hiện ra, tạo yếu tố thẩm mỹ; 3- Phần âm nhạc: có giá trị phối hợp, như một mối liên kết và hỗ trợ, làm tăng thêm hiệu quả của toàn bộ quá trình diễn xướng.

Ngay từ tên gọi, diễn xướng dân gian đã thể hiện rõ bản chất nguyên hợp với sự hòa trộn nhuần nhuyễn của các yếu tố: dân ca, dân vũ, nghi lễ, động tác, trò diễn, âm nhạc bổ trợ. Sự nguyên hợp còn thể hiện qua các góc độ khác như đối tượng biểu diễn và thưởng thức đôi khi không có sự phân định; tiết mục biểu diễn và không gian, thời gian biểu diễn gắn kết khó tách rời. Đây là điểm hấp dẫn, song cũng là hạn chế trong quá trình dàn dựng, sân khấu hóa một tiết mục phục vụ cho hoạt động du lịch.

Diễn xướng dân gian ở Việt Nam rất đa dạng, phong phú với nhiều cách phân loại. Xét theo không gian diễn xướng, có các hình thức dân ca gắn với không gian sinh hoạt cộng đồng (lễ hội, chợ, không gian lao động sản xuất tập thể, trò chơi dân gian...), không gian biểu diễn lưu động chuyên nghiệp (các gánh hát, phường Chèo, nhóm Xẩm), không gian tín ngưỡng, tôn giáo. Xét theo phạm vi địa lý, có vùng dân ca miền núi phía Bắc (Khặp, Hạn khuống, Sắc bùa, Then, Sli, Lượn, Hà lều, Rối cạn, Soọng cô...), vùng dân ca đồng bằng, trung du Bắc Bộ (Xoan, Chèo, Xẩm, Trống quân, Quan họ, Ca trù, Rối nước...), vùng dân ca Trung bộ (Hò, Ví, Giặm, Ca Huế, Lí, Bài chòi, Bả trạo, Múa bóng...), vùng dân ca Tây Nguyên (dân ca Bana, Xơđăng, Êđê, K'ho...), vùng dân ca Nam bộ (Hò, Lí, Đờn ca tài tử, Sắc bùa...) [1].

Như vậy, có thể thấy, trong cùng một khu vực địa lý tồn tại nhiều loại hình diễn xướng dân ca, và ngược lại, một loại dân ca có thể xuất hiện ở nhiều địa phương (do đặc trưng địa lý, sinh kế tương đồng hoặc do quá trình di dân, tiếp xúc văn hóa). Không gian diễn xướng

cũng không đóng khung mà mở rộng đa dạng. Giữa các loại hình dân ca lại có sự vay mượn, tiếp biến về câu từ, làn điệu, động tác, tích truyện... Tất cả tạo nên một bức tranh tổng thể đa dạng, vừa lạ lẫm, vừa quen thuộc. Đây chính là một lợi thế để khai thác trong lĩnh vực du lịch văn hóa.

Ngoài chức năng thẩm mỹ, diễn xướng dân ca có nhiều giá trị trong đời sống cá nhân và cộng đồng như: giải tỏa áp lực cuộc sống mưu sinh, thổ lộ tình cảm, xây dựng niềm cộng cảm trong cộng đồng xã hội (qua các hình thức diễn xướng tập thể mang tính giao lưu), giao tiếp (chào hỏi khi đến nhà, mời rượu, phong tục cưới hỏi, vào nhà mới...), tín ngưỡng tôn giáo (hát đám ma, nghi lễ...). Ở Then, ta có thể nhận diện được tất cả những giá trị này. Trước hết, Then ra đời trong môi trường tín ngưỡng dân gian, nó là một dạng thức bài ca nghi lễ (tương tự như Châu văn của người Kinh, Chá của người Thái, Mỡi của người Mường, Hát Bả trạo, Múa bóng của cư dân miền biển và người Chăm Trung bộ...). Đồng bào Tày, Nùng, Thái tin rằng, qua việc diễn tả hành trình thầy Then điều khiển đoàn âm binh từ Mường Đất lên Mường Trời để dâng lễ vật, người ta có thể thực hiện được ước mơ giao tiếp với thần linh, cầu xin những điều may mắn cho bản thân và cộng đồng thôn xóm. Vì vậy, mới có Then đón tướng, khai bươn, kỳ an, cấp sắc, chữa bệnh...[2]. Cũng như nhiều dạng thức diễn xướng tâm linh khác, trong quá trình phát triển, Then nghi lễ đã ăn sâu vào đời sống dân gian, phân nhánh đa dạng như: hát Then trong đám cưới, lễ hội, trong giao tiếp hàng ngày, trong đời sống chính trị xã hội (tuyên truyền, vận động). Đặc biệt phải kể đến Then biểu diễn, mang đậm yếu tố sân khấu, như một đặc trưng của nghệ thuật dân gian vùng núi phía Bắc.

## **2.2. Kinh nghiệm khai thác một số loại hình diễn xướng dân gian trong hoạt động du lịch ở Việt Nam**

Khai thác giá trị nghệ thuật truyền thống nhằm phát triển du lịch là định hướng kinh tế xã hội của nhiều địa phương, dựa trên nguồn

lực tài nguyên nhân văn sẵn có. Trong “kịch bản” chiến lược của mình, địa phương và các doanh nghiệp du lịch thường khai thác tối đa các đặc sắc văn hóa dân gian, trong đó luôn có nghệ thuật diễn xướng truyền thống. Từ Bắc vào Nam, loại hình văn nghệ dân gian đã lần lượt trở thành sản phẩm du lịch. Mặc dù áp dụng rộng khắp, song không phải mô hình nào cũng đạt được hiệu quả bởi diễn xướng dân gian gắn với đặc trưng văn hóa của một cộng đồng cụ thể. Có những giá trị mà chỉ trong môi trường văn hóa của nó, người ta mới cảm thụ được. Về mặt tâm lý cảm thụ âm nhạc, khán giả không dễ hứng khởi với những điệu nhạc chưa “quen tai”. Mặt khác, một bộ phận các loại hình diễn xướng lại có âm hưởng buồn, tiết tấu đều đặn, động tác đơn điệu lặp đi lặp lại, tạo cảm giác lê thê, buồn chán. Khi bản thân diễn xướng chưa tạo nên sức hút, thì các hoạt động liên quan như: dạy hát dân ca, tham gia hát đối đáp, thi hát múa, viếng tổ nghề, thăm nhà nghề nhân cũng sẽ khó có sức hấp dẫn du khách. Thêm vào đó, dân ca chỉ đem đến những rung cảm thẩm mỹ trọn vẹn khi được đặt trong không gian truyền thống, trong sự tương tác của một loạt các yếu tố liên quan như thời gian, không gian, khán giả. Khi lồng ghép trong các chương trình du lịch, diễn xướng dân ca có thể bị ngắt khỏi môi trường tự nhiên với những ràng buộc hữu cơ của nó. Việc phát triển các loại hình diễn xướng tín ngưỡng (bài ca nghi lễ) thành diễn xướng sân khấu thông thường (như hát Văn và hát Then biểu diễn) đã từng vấp phải những tranh luận trái chiều với hai luồng ý kiến: một bên cho rằng đó là sự phát triển tự nhiên của nghệ thuật, giúp dân ca dễ phổ biến, đến gần cộng đồng, thích ứng với thị hiếu đời sống; một bên e ngại làm mai một giá trị văn hóa gốc, điều mà Luật di sản đã nhấn mạnh: Bảo tồn, phát triển di sản phải đặt ra tiêu chí hàng đầu là bảo tồn yếu tố văn hóa gốc [3].

Sự khó khăn khi khai thác dân ca phục vụ du lịch còn đến từ nguyên nhân khách quan phía

du khách. Với dòng khách nội địa, tỷ lệ những người yêu thích, hứng thú với nghệ thuật dân tộc không cao (điều này đã được khẳng định trong nhiều cuộc khảo sát). Du khách có thể thích thú mặc một bộ áo tứ thân, cầm cây đàn tính để chụp ảnh, song không nhiều người ngồi xem hết buổi biểu diễn hay tìm hiểu kỹ về lịch sử, đặc điểm, cách chế tác, sử dụng nhạc cụ dân tộc. Khách quốc tế bất đồng ngôn ngữ, không hiểu rõ về tập tính văn hóa, cũng khó cảm nhận hết vẻ đẹp của diễn xướng truyền thống, nếu thiếu người thuyết minh sâu sắc. Vượt qua những hạn chế trên, một số địa phương, đơn vị đã có hướng đi hiệu quả trong chiến lược bảo tồn di sản và khai thác di sản trong phát triển du lịch. Tác giả lấy ví dụ minh họa với một số trường hợp:

**Trường hợp 1: Xẩm Hà Thành và cuộc cách mạng tự làm mới để chủ động tiếp cận khán giả:**

Xẩm là hình thức dân ca gắn với không gian biểu diễn đặc biệt và những nghệ nhân có số phận đặc biệt - những người khiếm thị dùng tiếng hát để mưu sinh nơi “đầu đường xó chợ”. Trong hoàn cảnh ấy, xẩm vốn dĩ có giai điệu buồn, thậm chí nẫu nê, lời ca thể hiện những tâm sự day dứt về cuộc sống. Nghệ nhân Xẩm không được “áo thắm má hồng” mà vận nguyên áo nâu rách vá, kèm với “thau nát chiếu manh”. Nhạc cụ gắn liền với xẩm là cây đàn nhị với những tiếng đàn “run bần bật trong đêm” như cách miêu tả của cây bút Thạch Lam hồi đầu thế kỷ XX.

Tuy nhiên, cũng bởi đặc trưng là nghệ thuật mang yếu tố “đường phố”, phải chủ động tìm kiếm công chúng phục vụ cho mục đích mưu sinh, nên Xẩm đã sớm thích nghi: chuyển từ chợ quê (Xẩm chợ) sang đô thị (Xẩm tàu điện). Một số điệu Xẩm được cải biên, đặt lời để thích nghi với không khí rộn ràng nơi phố xá, đem đến niềm vui cho người nghe, hơn là kể chuyện tâm sự buồn của bản thân mình. Hiện tại, trong khi nhiều nhà hát ca múa nhạc dân tộc đi u u vì khán giả trẻ quay lưng thì một số nhóm Xẩm hình thành tự phát song lại duy trì hoạt động theo hướng “chuyên nghiệp

hóa” một cách ổn định như câu lạc bộ Xẩm Hà Thị Cầu, Xẩm Hải Phòng, Xẩm Hà Thành... Trong số đó, du khách thủ đô và cộng đồng mạng đã khá quen thuộc với nhóm Xẩm Hà Thành cùng những suất diễn đều đặn vào tối thứ 7 hàng tuần trên phố cổ và các MV nghệ thuật phục dựng làn điệu dân ca truyền thống với những hình thức mới mẻ. “Làm mới di sản cũ” là hướng đi mà Xẩm Hà Thành theo đuổi và thu nhận được thành công. Sự làm mới này thể hiện trên nhiều phương diện như:

- Kết hợp giữa yếu tố truyền thống với đặc trưng văn hóa phương Tây để tạo dựng không gian biểu diễn độc đáo, phù hợp trong khai thác du lịch: nghệ thuật đường phố. Hình ảnh nhóm nghệ sĩ biểu diễn say mê dưới tượng đài vua Lê Thái Tổ vừa gợi nhớ về không khí “xẩm chợ” một thời, song lại phảng phất nét lãng tử của những nghệ sĩ du ca ở một nền văn hóa đầy lạ lẫm với du khách Việt.

- Khai thác tính thời sự trong lời thơ dân ca, tạo ra những tác phẩm âm nhạc gây chú ý, đem đến thích thú cho khán giả nhiều lứa tuổi, như “Xẩm Trà đá”, “Xẩm Rượu bia tới kỳ lái xe”...

- Thông qua các tiết mục, quảng bá về tinh hoa văn hóa Hà Thành (Xẩm Tứ vị Hà Thành, Hà Thành ba sáu phố phường, Bốn mùa hoa Hà Nội). Do vậy, sản phẩm dễ dàng lồng ghép vào các sự kiện văn hóa, nghệ thuật khác, rút ngắn khoảng cách đến công chúng.

- Đẩy cao yếu tố nghệ thuật trong các sản phẩm âm nhạc với sự đầu tư nghiêm túc và tỉ mỉ từ kịch bản, cảnh quay, trang phục, diễn viên. Yếu tố thẩm mỹ, điều vốn không được khai thác ở di sản truyền thống đã phát huy tác dụng trong môi trường hiện đại.

**Trường hợp 2: Võ diễn Tứ Phủ: Bước đột phá với nghệ thuật thực cảnh**

Thờ Mẫu là loại hình tín ngưỡng dân gian đặc trưng của người Việt, thể hiện lòng sùng bái của cư dân nông nghiệp với các hiện tượng tự nhiên bốn cõi (trời, đất, nước, rừng núi) hóa

thân thành hình tượng người Mẹ. Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ Phủ là tổ hợp nhiều hành vi tín ngưỡng và lễ thức độc đáo, trong đó đặc sắc nhất là nghi lễ Hầu bóng: nghi thức giáng đồng, nhập hồn của các thần thánh trong hệ thống điện thần thờ Mẫu vào thân xác ông Đồng, bà Đồng để nghe lời cầu xin, phán truyền, ban phúc lộc cho con nhang đệ tử.

Là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng tổng hợp, giàu giá trị nghệ thuật, diễn xướng Hầu bóng, âm nhạc Châu văn (giai điệu và lời hát trong quá trình giáng đồng) được nhiều người ưa thích, dù từng gặp phải những định kiến về một hình thức hoạt động mê tín dị đoan. Giáo sư âm nhạc Trần Văn Khê, người đầu tiên đưa âm nhạc cổ truyền Việt Nam ra thế giới từng nhấn mạnh: Hầu bóng là loại hình diễn xướng dân gian Việt Nam phù hợp với thị hiếu thẩm âm của người nước ngoài và là một trong những hình thức cổ nhạc được yêu thích nhất [4]. Từ góc nhìn du lịch, Hầu bóng và Châu văn (hát Văn) đã được khai thác nhiều năm, gắn với hoạt động du lịch tâm linh nơi cửa đền, cửa phủ. Sau khi Thực hành tín ngưỡng Tứ Phủ được UNESCO vinh danh, đạo diễn Nguyễn Việt Tú đã xây dựng vở diễn “Tứ Phủ” bằng nghệ thuật thực cảnh quy mô, ấn tượng, thu hút đông đảo du khách.

Nghệ thuật sân khấu thực cảnh là loại hình biểu diễn được thực hiện dựa trên cảnh quan thực tế ngoài trời, bao gồm các yếu tố thiên nhiên như sông hồ, biển cả, núi rừng, đình chùa... hài hòa với đời sống, lịch sử của con người bản địa [5]. Đồng thời, đây cũng là hình thức nghệ thuật kết hợp chất liệu sân khấu truyền thống với hiệu ứng âm thanh, ánh sáng hiện đại làm tăng độ chân thật. Sân khấu nghệ thuật thực cảnh có thể được coi là một bước phát triển vượt bậc trong việc khai thác nghệ thuật để thúc đẩy du lịch, quảng bá hình ảnh địa phương. Nhờ đó, giúp người nước ngoài không chỉ biết đến Việt Nam qua các loại hình nghệ thuật quen thuộc mà còn giúp cho người Việt Nam có cơ hội tiếp cận với loại hình nghệ thuật mới để khẳng định bản

sắc văn hóa dân tộc mình. Ở Việt Nam, vở diễn “Thuở ấy xứ Đoài” của đạo diễn Việt Tú tại Khu du lịch Sài Sơn, Hà Nội, ra mắt tháng 6/2017 được coi là chương trình nghệ thuật thực cảnh đầu tiên khiến nhiều người ngỡ ngàng. Kế đến, vở “Tinh hoa Bắc bộ” của đạo diễn Hoàng Nhật Nam (tác phẩm phái sinh của “Thuở ấy xứ Đoài”) ra mắt cuối tháng 10/2017, được vinh danh ở ngôi vị cao nhất hạng mục “Đổi mới trong Truyền thông, Truyền thông thị giác và Giải trí trực quan”, tại Giải thưởng Stevie châu Á - Thái Bình Dương. Chương trình thực cảnh “Ký ức Hội An” tại Quảng Nam sở hữu không gian biểu diễn lên tới 25.000 m<sup>2</sup>, gần 500 diễn viên tham gia và có khả năng phục vụ 3.300 khán giả.

Việc xây dựng vở diễn Tứ Phủ - thực cảnh thứ tư ở Việt Nam, góp phần đưa tinh hoa di sản văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu đến gần cộng đồng, đồng thời, tạo ra sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc. Trên website chính thức, thực cảnh Tứ Phủ được khẳng định với ý nghĩa văn hóa - du lịch, không chỉ đóng vai trò tạo cảm xúc cho người xem thông qua thính giác, âm nhạc trong vở diễn Tứ Phủ chính là con đường dẫn dắt khán giả qua những trải nghiệm khác nhau về văn hóa, con người và lịch sử Việt Nam. Vở diễn có địa điểm thuận lợi tại trung tâm thủ đô Hà Nội, gần các di tích văn hóa, thời lượng hợp lý sẽ mang đến trải nghiệm văn hóa Việt không thể quên cho du khách. Nhiều công ty lữ hành du lịch nước ngoài đã đặt hàng và coi “Tứ Phủ” là một sản phẩm du lịch đáng quan tâm khi đến Hà Nội.

Nói về kinh nghiệm khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch sau thành công của “Thuở ấy xứ Đoài” và “Tứ Phủ”, đạo diễn Việt Tú nhấn mạnh điểm then chốt muốn ra được với toàn cầu, người nghệ sĩ cần có sự nhận diện địa phương, nghĩa là bám chặt vào cái bản sắc, hồn cốt văn hóa (và để đảm bảo hồn cốt ấy, trong các vở thực cảnh, anh luôn ưu tiên dùng diễn viên là nghệ nhân và những người nông dân thực sự). Bên cạnh đó, đạo

diễn nhận định: Phải làm văn hóa một cách văn hóa, văn hóa có thể mang tính địa phương nhưng ngôn ngữ phải toàn cầu. Ngôn ngữ toàn cầu có thể phá bỏ mọi rào cản để chạm tới cảm xúc người xem. Điều này có thể được hiểu ở hai cấp độ. Thứ nhất, ngôn ngữ (lời ca, lời thoại, thuyết minh) trong vở diễn cần được thông dịch giúp khách nước ngoài nắm được tinh thần vở diễn. Thứ hai, cần cân nhắc kết hợp giữa các tinh hoa truyền thống với phương tiện, biểu tượng nghệ thuật toàn cầu, bởi nghệ thuật, ở một phương diện nhất định, cũng có chức năng truyền tải thông tin, như một dạng thức ngôn ngữ đặc biệt.

### **Trường hợp 3: Ca Huế trên sông Hương - bài học về việc giữ gìn không gian diễn xướng truyền thống.**

Sông Hương - dòng sông thuộc về một tỉnh duy nhất - đã trở thành linh hồn xứ Huế. Gắn như mọi thú vui của người Huế đều gắn bó với dòng Hương giang, nơi cội nguồn nảy sinh và hội tụ của bao sinh hoạt văn hóa đất cố đô này. Âm nhạc Huế cũng không nằm ngoài quỹ đạo ấy. Huế vốn là vùng dân ca nổi tiếng với những điệu hò mái nhì mái chèo, những điệu lí bay bổng, mượt mà. Huế còn có một dòng âm nhạc cung đình trang trọng. Ca Huế nằm giữa hai dòng nhạc ấy với chất trữ tình sâu lắng, hàm chứa bao hỷ, nộ, ái, ố trong cuộc đời người dân cố đô. Cũng như đua thuyền, ngủ đò, thả thơ, ca Huế dường như gắn chặt lấy dòng sông Hương mà sinh tồn trong suốt mấy thế kỷ. Hoàng Phủ Ngọc Tường trong Bút ký tài hoa “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*” đã khẳng định về sự gắn bó máu thịt không thể tách rời giữa ca Huế với không gian diễn xướng truyền thống của nó: “*Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya*”.

Trong khai thác du lịch Huế, trải nghiệm ngồi thuyền rồng nghe ca Huế trở thành “món ăn” quen thuộc, như một mặc định văn hóa, rằng đã đến Huế phải nghe ca Huế sông Hương và chỉ nghe ca Huế trên sông Hương. Khai thác dân ca trong du lịch cần sự mới lạ song nét truyền thống mang tính chất bản sắc, hồn cốt văn hóa sẽ phát huy hiệu quả nếu được bảo tồn trong một không gian nguyên vẹn.

### **3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác giá trị của Then trong hoạt động du lịch khu vực miền núi phía Bắc**

Trong kinh doanh du lịch địa phương, một sản phẩm mang tính đặc thù có ý nghĩa quan trọng góp phần tạo nên bước đột phá. Đó là sản phẩm “mang ý nghĩa khác biệt, độc đáo và đặc sắc so với sản phẩm du lịch thông thường, nhằm thu hút du khách, mở rộng thị trường du lịch, khai thác tốt tài nguyên du lịch, các tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển du lịch một cách bền vững” [6]. Đối với khu vực miền núi phía Bắc, nơi cư trú tập trung của nhóm dân tộc Thái, Tày, Nùng, Then là một trong những yếu tố có thể tạo ra tính chất đặc trưng ấy.

Từ kinh nghiệm của Xăm, Hàu bóng, Ca Huế, có thể thấy, trong khai thác diễn xướng dân ca phục vụ hoạt động du lịch, cả hai yếu tố truyền thống và mới lạ nếu được áp dụng hợp lý, dựa trên việc tôn trọng đặc trưng, bản sắc của mỗi loại hình dân ca, thì đều đem lại hiệu quả theo những cách khác nhau: đột phá như “Tứ phủ”, “Xăm Hà Thành” hay lặng lẽ mà bền bỉ sinh sôi như Ca Huế, Đờn ca tài tử, Hò sông nước Nam bộ... Thực hành Then, ở cả dạng thức nguyên mẫu gắn với môi trường tín ngưỡng hay dạng thức phát triển mang màu sắc biểu diễn nghệ thuật cộng đồng đều có giá trị riêng và thế mạnh trong khai thác du lịch. Một trong những thế mạnh nổi bật nhất là sự hấp dẫn, lôi cuốn trong làn điệu và sự linh hoạt trong cách thức diễn xướng. Từ tâm khái quát và vĩ mô, các nhà quản lý văn hóa, nghiên cứu du lịch đã đưa ra những giải pháp tổng thể cho Then - như một tài nguyên du

lich nhân văn. Ở bài viết này, tác giả đề xuất một số giải pháp khai thác giá trị Then nhằm phát triển hoạt động du lịch vùng núi phía Bắc như sau:

Thứ nhất, khai thác Then trong sự phát triển du lịch cộng đồng của địa phương. Then sẽ là sản phẩm du lịch được cung ứng từ cộng đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu trải nghiệm giá trị nghệ thuật truyền thống. Trong mỗi bản làng có thể thành lập nhiều đội Then, đáp ứng nhu cầu của du khách khi vào mùa vụ. Lưu ý rằng, cần phát triển Then trong một chỉnh thể của nhiều sản phẩm du lịch khác để có thể tạo sự cộng hưởng văn hóa. Song hành với Then là những trải nghiệm về ẩm thực, trò chơi dân gian, hoạt động canh tác nông nghiệp nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, kéo dài thời gian tham quan của du khách.

Thứ hai, cần sưu tầm, chọn lựa những làn điệu hấp dẫn, dễ nghe, mang đậm đặc trưng truyền thống làm nhạc nền cho các không gian văn hóa, du lịch cộng đồng ở địa phương, góp phần tạo ra “khí vị thánh giác”, để du khách mỗi khi đặt chân đến Tây Bắc, Việt Bắc đều chìm trong không khí của Then và mỗi khi nghe giai điệu Then sẽ liên tưởng đến không gian văn hóa vùng cao. Đó là cách tạo ra “sản phẩm du lịch đặc trưng”, điều mà nhiều địa phương đang thiếu.

Thứ ba, cần tăng tính nghệ thuật và mở rộng phạm vi truyền thông cho Then theo cách vừa đảm bảo bản sắc truyền thống, vừa phù hợp với thị hiếu xã hội. Đây là hướng đi chung của nhiều loại hình nghệ thuật. Hiện nay, nếu tìm hiểu về Then qua các công cụ tìm kiếm truyền thông phổ biến, người dùng chỉ thu được những kết quả tản mạn, khó lọc lựa trong đó những sản phẩm tinh hoa. Nên chăng, các câu lạc bộ Then và đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp có thể theo hướng đi của Xâm Hà Thành, chủ động tìm đến khán giả bằng những sản phẩm nghệ thuật đã được dàn dựng, đầu tư bài bản, có tính hấp dẫn. Khi khai thác Then trong hoạt động du lịch, ta có

thể có cái nhìn rộng mở, coi nó như một sản phẩm hàng hóa đặc biệt. Khi công chúng biết đến Then nhiều hơn, thấu hiểu và thích thú với nghệ thuật diễn xướng đặc biệt này, họ có thể tăng động lực để tìm kiếm những tour du lịch tìm về cội nguồn nảy sinh của nó.

Thứ tư, có thể tạo đột phá bằng du lịch nghệ thuật - sự kiện với việc lên ý tưởng, đầu tư cho một vở diễn thực cảnh lấy cảm hứng từ văn hóa miền núi phía Bắc mà hồn cốt là Then. Ngày nay, thị hiếu nghệ thuật của cộng đồng ngày một nâng cao, những chương trình nghệ thuật chất lượng luôn có sự thu hút mạnh mẽ. Du khách đã đặt vé đến Hội An, về Sài Sơn để xem thực cảnh (dù giá vé khá cao, tương xứng với sự đầu tư hoành tráng), chúng ta có thể đặt niềm tin vào điều tương tự đối với du lịch Việt Bắc - không gian văn hóa đầy sắc màu nhưng vẫn còn nhiều giá trị chưa được khai thác, như một sản phẩm du lịch đặc thù và hấp dẫn.

Thứ năm, xây dựng mô hình phố đi bộ với nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật đặc trưng vừa mang tính vùng miền, vừa có sự giao lưu tiếp biến với những loại hình văn hóa mới. Đây sẽ là điểm nhấn thu hút khách du lịch bởi những nét mới mẻ bên cạnh giá trị về cảnh quan thiên nhiên và đời sống bản làng. Hiện nay, tại các đô thị lớn đều đã có những chương trình biểu diễn nghệ thuật sinh động mang màu sắc văn hóa đường phố như Diễn xướng dân gian ba miền trên con đường hoa Nguyễn Huệ nhân dịp Festival Nghệ nhân Việt Nam, biểu diễn nghệ thuật trên phố đi bộ quanh Hồ Gươm, chương trình “Hoàng thành - diễn xướng dân gian” trong Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long. Ngoài ra, để có sự kết nối điểm đến, cần xây dựng hệ thống chợ đêm - một không gian không đơn thuần mang tính thương mại mà hoàn toàn có thể lồng ghép các hoạt động văn hóa giàu bản sắc của địa phương, mở ra tương lai để phát triển du lịch tại các thành phố trung tâm của khu vực.

#### 4. Kết luận

Thực hành Then là tổng hòa nhiều giá trị: tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật và tri thức bản địa về vũ trụ quan, nhân sinh quan. Hành trình từ lúc xây dựng hồ sơ đến khi đi sản được ghi nhận là một con đường gian khó, tuy nhiên, công tác giữ gìn, bảo tồn di sản giữa guồng quay của cuộc sống sẽ còn gian truân hơn gấp bội. Chúng tôi cho rằng, sự bảo tồn bền vững nhất chính là bảo tồn trong phát triển. Để làm được điều đó, cần lấy Then làm chất liệu văn hóa, một nguồn tài nguyên nhân văn giá trị để khai thác trong hoạt động du lịch, theo hướng vừa làm mới, vừa bảo tồn những giá trị truyền thống. Đây là hướng đi cần được cân nhắc và nghiên cứu trong chiến lược phát triển du lịch vùng núi phía Bắc.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. P. M. Pham, *Vietnamese Folk song*. Music Publishing House, 1994.
- [2]. T. Y. Nguyen, *Then of Tay people*. Social Science Publishing House, 2006.
- [3]. T. K. L. Nguyen, "Exploiting cultural values in tourism development," *Journal of Vietnamese Cultural Studies*, vol. 396, no. 6, pp. 52-57, 2017.
- [4]. V. K. Tran, *Culture with folk music*. Youth Publishing House, 2000.
- [5]. H. The, and D. Nguyen, "Real-life performance – the expensive and adventure playground," *Baogiaothong.vn*, 06/09/2018. [Online]. Available: <https://www.baogiaothong.vn/nghe-thuat-thuc-can-h-san-choi-ton-kem-mao-hiem-d270814.html>. [Accessed May 21, 2020].
- [6]. V. S. Vo, T. L. Ngo, and T. T. V. Tran, "Orienting the exploitation of specific products for rural tourism development in An Giang province," *Science and Technology development*, vol. 20, no. X3, pp. 34-41, 2017.